

Số: **479**/QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày **24** tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục tài liệu, nội dung thi tuyển công chức

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Quyết định số 2015/QĐ-LĐTĐBXH ngày 26/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành Kế hoạch và phê duyệt chỉ tiêu thi tuyển công chức vào làm việc tại các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2017; Quyết định số 126/QĐ-LĐTĐBXH ngày 06/02/2018 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc điều chỉnh nội dung liên quan đến kỳ thi tuyển công chức;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục tài liệu, nội dung thi tuyển công chức năm 2017 môn Kiến thức chung, môn Nghiệp vụ chuyên ngành, môn Ngoại ngữ trình độ cử nhân (Danh mục kèm theo).

Điều 2. Danh mục tài liệu, nội dung thi tuyển được đăng tải trên website của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội www.molisa.gov.vn và thông báo đến thí sinh được biết để ôn tập chuẩn bị cho kỳ thi tuyển công chức.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- HĐ thi tuyển CC (để th/h);
- Công thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG

TRƯỞNG



[Handwritten signature]

Mậu Diệp

DANH MỤC TÀI LIỆU MÔN KIẾN THỨC CHUNG

(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTĐ ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. VĂN BẢN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 28/11/ 2013 (các Điều quy định liên quan đến hệ thống tổ chức chính trị và ngành lao động - thương binh và xã hội).
2. Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19/6/2015.
4. Nghị định số 123/20016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.
5. Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

II. VĂN BẢN VỀ CÔNG CHỨC, CÔNG VỤ, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015.
2. Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008.
3. Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.
4. Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức.
5. Chuyên đề 2 “Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước”; Chuyên đề 3 “Công vụ, công chức”; Chuyên đề 14 “Kỹ năng soạn thảo văn bản” trong Tài liệu bồi dưỡng ngạch Chuyên viên ban hành kèm theo Quyết định số 900/QĐ-BNV ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (lưu ý: cập nhật quy định mới).

III. VĂN BẢN VỀ NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 29/6/2005 (Chương I. Những quy định chung từ Điều 1 đến Điều 8, Chương III. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về ưu đãi người có công với cách mạng từ Điều 34 đến Điều 41); Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung năm 2012.
2. Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 ngày 29/11/2006 (Chương I. Những quy định chung từ Điều 1 đến Điều 7; Chương IV. Quản lý nhà nước về người lao động đi làm việc ở nước ngoài từ Điều 69 đến Điều 72).
3. Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội (Chương I. Những quy định chung từ Điều 1 đến Điều 9; Chương V. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước về công tác người cao tuổi Điều 28, Điều 29).
4. Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 (Chương I. Những quy định chung từ Điều 1 đến Điều 8; Chương XV. Quản lý nhà nước về lao động Điều 235, Điều 236).
5. Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014 (Chương I. Những quy định chung từ Điều 1 đến Điều 9 ; Chương VII. Quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp từ Điều 71 đến Điều 74).
6. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (Chương I. Những quy định chung từ Điều 1 đến Điều 17 ; Chương VI. Tổ chức, quản lý bảo hiểm xã hội Điều 93, Điều 94, Điều 95).
7. Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016 (Chương I. Những quy định chung từ Điều 1 đến Điều 11 ; Chương VI. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em từ Điều 79 đến Điều 102)./db

NỘI DUNG MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ

*(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTĐ ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (đối với tất cả các vị trí)

1. Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động xã hội trong các văn bản sau:
 - Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế.
 - Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII.
 - Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 ban hành theo Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 07/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ (các nội dung về lao động và xã hội).
 - Chiến lược hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động và xã hội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 ban hành theo Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 20/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
 - Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.
2. Quy chế đối ngoại của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo Quyết định số 1106/QĐ-LĐTĐ ngày 24/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
3. Những nội dung cơ bản của quy định ký kết điều ước quốc tế và văn bản thỏa thuận quốc tế:
 - Luật Điều ước quốc tế 2016.
 - Pháp lệnh Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế 2007
4. Những mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc liên quan đến lĩnh vực lao động, xã hội:
<https://sustainabledevelopment.un.org/?menu=1300>
 - Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững ban hành theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.
5. Quyết định số 1456/QĐ-LĐTĐ ngày 14/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Vụ Hợp tác quốc tế.

II. CÁC KIẾN THỨC CHUYÊN SÂU CHO TỪNG VỊ TRÍ

1. Vị trí Phụ trách hợp tác song phương

- 1.1. Thông tin cơ bản về hệ thống dạy nghề của Úc
<https://www.australia.gov.au/information-and-services/education-and-training/vocational-education-and-training>
- 1.2. Thông tin cơ bản về hệ thống dạy nghề của Đức
<https://www.bmbf.de/en/the-german-vocational-training-system-2129.html>
- 1.3. Thông tin cơ bản về hệ thống an sinh xã hội của Hàn Quốc;
<https://www.nhis.or.kr/static/html/wbd/g/a/wbdga0301.html>
<http://www.korea.net/AboutKorea/Society/Labor-Social-Welfare-System>
- 1.4. Thông tin cơ bản về các thiết chế về quan hệ lao động của Hoa Kỳ (Ủy ban Quan hệ lao động liên bang; Cơ quan hòa giải liên bang).

<https://www.fmcs.gov/>

<https://www.flra.gov/>

2. Vị trí Phụ trách hợp tác đa phương

2.1. Thông tin cơ bản về các đối tác đa phương trong lĩnh vực lao động, xã hội, gồm ILO, UNDP, UNWOMEN, UNICEF, UNFPA, WORLD BANK (Xem website chính thức của các tổ chức này).

2.2. Nội dung lao động, xã hội trong các diễn đàn đa phương lớn Việt Nam tham gia như: APEC, ASEM, WTO

<https://www.apec2017.vn/ap17-c/vi/page/%E1%BB%A7y-ban-qu%E1%BB%91c-gia-apec-2017>

<https://www.apec.org/About-Us/APEC-Secretariat>

<http://www.aseminfoboard.org/members/asean-secretariat>

https://www.wto.org/english/thewto_e/coher_e/sdgs_e/sdgs_e.htm

2.2. Tóm lược nội dung lao động trong các Hiệp định thương mại FTA thế hệ mới

- Chương 19 của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP.

- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTPP.

- Chương phát triển bền vững của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA).

2.3. Tuyên bố 1998 và các Công ước cơ bản của ILO

<http://www.ilo.org/declaration/lang--en/index.htm>

- Công ước số 87 năm 1948 (Convention 87)

- Công ước số 98 năm 1949 (Convention 98)

- Công ước số 29 năm 1930 (Convention 29)

- Công ước số 105 năm 1957 (Convention 105)

- Công ước số 138 năm 1973 (Convention 138)

- Công ước số 182 năm 1999 (Convention 182)

- Công ước số 100 năm 1951 (Convention 100)

- Công ước số 111 năm 1958 (Convention 111)

3. Vị trí Phụ trách hợp tác ASEAN

3.1. Cộng đồng ASEAN và cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN

<http://asean.org/>

<http://www.aseanvietnam.vn>

3.2. Các cơ chế hợp tác chuyên ngành ASEAN Bộ LĐTBXH đang chủ trì: hợp tác về lao động (ALMM), phúc lợi xã hội (AMMSWD), phụ nữ (AMMW)

<http://asean.org/asean-socio-cultural/asean-labour-ministers-meeting-alm/overview/>

<http://asean.org/asean-socio-cultural/asean-ministerial-meeting-on-social-welfare-and-development-ammswd/>

3.3. Kế hoạch tổng thể cộng đồng văn hóa xã hội ASEAN 2025 và việc triển khai ở Việt Nam.

<http://www.aseanvietnam.vn/Default.aspx?Page=NewsDetail&NewsId=79400>

http://asean.org/?static_post=asean-socio-cultural-community-blueprint-2025

3.4. Đề án xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các mục tiêu của cộng đồng văn hóa - xã hội asean đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Vị trí Phụ trách lễ tân tổng hợp đối ngoại

4.1. Những ưu tiên trong hợp tác phi chính phủ nước ngoài liên quan đến ngành lao động - thương binh và xã hội 2013-2017:

dh

- Chương trình quốc gia xúc tiến viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2013-2017 ban hành theo Quyết định số 40/2013/QĐ-TTg ngày 10/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

4.2. Quy định về việc quản lý các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam:

- Nghị định 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam

4.3. Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài làm việc trong lĩnh vực lao động và xã hội:
Danh sách và lĩnh vực hoạt động của các tổ chức trên website:
<http://www.ngocentre.org.vn/>

4.4. Công tác lễ tân trong tổ chức sự kiện, tiếp khách quốc tế:

- Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ về quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài./

TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

*(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTĐ ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

I. VỊ TRÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN (tại 02 đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ)

1. Danh mục tài liệu:

- 1.1. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;
- 1.2. Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- 1.3. Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- 1.4. Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- 1.5. Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- 1.6. Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- 1.7. Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- 1.8. Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- 1.9. Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- 1.10. Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- 1.11. Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- 1.12. Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;
- 1.13. Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- 1.14. Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- 1.15. Thông tư số 10/2016/TT-BKHĐT ngày 22/7/2016 quy định chi tiết việc giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu;
- 1.16. Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.
- 1.17. Quyết định số 1636/QĐ-LĐTĐ ngày 17/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Vụ Kế hoạch - Tài chính.

2. Phạm vi và nội dung kiến thức



2.1. Giai đoạn phê duyệt chủ trương đầu tư: Các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

2.2. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án

- Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật; phương pháp xác định tổng mức đầu tư dự án.

- Các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư đối với dự án nhóm B nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

- Quy định về hình thức quản lý dự án; chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, khu vực.

- Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan (chủ đầu tư, ban quản lý dự án, cơ quan quyết định đầu tư, nhà thầu) trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

2.3. Giai đoạn thực hiện đầu tư

- Các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối với dự án nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

- Các quy định về quản lý chất lượng công trình trong các giai đoạn khảo sát, thiết kế, thi công, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với công trình xây dựng thuộc dự án nhóm B nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

- Các quy định về hợp đồng xây dựng.

- Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan (chủ đầu tư, ban quản lý dự án, cơ quan quyết định đầu tư, các nhà thầu) trong giai đoạn thực hiện dự án.

2.4. Giai đoạn kết thúc đầu tư

- Các quy định về hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành; kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Các quy định về bảo hành, bảo trì công trình xây dựng.

- Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan (chủ đầu tư, ban quản lý dự án, cơ quan quyết định đầu tư, các nhà thầu) trong giai đoạn kết thúc đầu tư.

2.5. Công tác lựa chọn nhà thầu

- Quy trình và nội dung cụ thể trong quy trình lựa chọn nhà thầu.

- Các quy định về kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Nguyên tắc, căn cứ lập kế hoạch, nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu...

- Các quy định về hợp đồng (loại hợp đồng, nội dung hợp đồng, nội dung thương thảo hợp đồng...).

- Các nội dung cơ bản hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

- Quy định về giám sát, kiểm tra trong hoạt động đấu thầu; giải quyết kiến nghị và tranh chấp trong đấu thầu; xử lý tình huống trong lựa chọn nhà thầu; hành vi bị cấm và xử lý vi phạm trong đấu thầu.

- Thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan trong thực hiện lựa chọn nhà thầu.

II. VỊ TRÍ QUẢN LÝ KẾ HOẠCH - TỔNG HỢP (tại 02 đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục Người có công)

1. Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13
2. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13
3. Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14
4. Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2014 của Quốc hội khóa 13 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020.
5. Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
6. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.
7. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
8. Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.
9. Chính phủ số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.
10. Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước
11. Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.
12. Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.
13. Quyết định số 1636/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Vụ Kế hoạch - Tài chính.

III. VỊ TRÍ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (tại 02 đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục Người có công)

1. Lập, chấp hành dự toán, kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước; công khai ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước:

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 342/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán:

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;
- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

dlp

3. Chế độ quản lý, sử dụng tài sản công; tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; sắp xếp lại, xử lý tài sản công; quyền và nghĩa vụ của cơ quan nhà nước, cá nhân trong quản lý, sử dụng tài sản công:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

4. Cải cách tài chính công, chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập:


- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020;
- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 0/11/2011 Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020;
- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;
- Quyết định số 1003/QĐ-LĐTBXH ngày 27/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2016 - 2020.
- Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác.

5. Phí, lệ phí, giá dịch vụ sự nghiệp công và chính sách thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

- Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03/6/2008;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19/6/2013;
- Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;
- Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế.
- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03/6/2008;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19/6/2013;

db

- Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.
- Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.
- Luật Giá ngày 20/6/2012;
- Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

6. Quyết định số 1636/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Vụ Kế hoạch - Tài chính. 

TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH VỤ BẢO HIỂM XÃ HỘI

*(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTĐ ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

I. VỊ TRÍ QUẢN LÝ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG


1. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.
2. Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020.
3. Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung.
4. Thông tư số 86/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện.
5. Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế 2012 - 2020.
6. Bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện: Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm; Thông tư số 115/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện.
7. Quyết định số 1188/QĐ-LĐTĐ ngày 10/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Vụ Bảo hiểm xã hội.

II. VỊ TRÍ QUẢN LÝ BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGHUYỆN

1. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.
2. Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc (các quy định liên quan đến bảo hiểm xã hội tự nguyện).
3. Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc (các quy định liên quan đến bảo hiểm xã hội tự nguyện).
4. Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện.
5. Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện.
6. Nghị quyết số 93/2015/QH13 của Quốc hội về việc thực hiện chính sách hưởng bảo hiểm xã hội một lần đối với người lao động.
7. Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020.
8. Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế 2012 - 2020.
9. Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 26/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

dk

10. Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013, Nghị định số 88/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*nội dung liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm xã hội tự nguyện*).

10. Quyết định số 1188/QĐ-LĐTBXH ngày 10/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Vụ Bảo hiểm xã hội. 

**TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
VĂN PHÒNG BỘ**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTĐ ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

I. VỊ TRÍ KẾ TOÁN (tại 04 đơn vị: Văn phòng Bộ, Cục Việc làm, Cục Trẻ em, Cục Bảo trợ xã hội)

1. Công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán:

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;
- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định giao, mua sắm xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng tài sản công:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan nhà nước:

- Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

4. Lập dự toán ngân sách; chi ngân sách trung ương và kiểm soát chi ngân sách; quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ; kế toán, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước:

- Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 342/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

5. Quyết định số 1698/QĐ-LĐTĐ ngày 25/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Bộ.

6. Quyết định số 629/QĐ-LĐTĐ ngày 29/12/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kế toán - Tài chính.

II. VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN LÀM CÔNG TÁC LƯU TRỮ

1. Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 của Quốc hội ngày 11 tháng 11 năm 2011.
2. Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định về chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ.
3. Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan .
4. Thông tư số 16/2014/TT-BNV ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn giao, nhận tài liệu lưu trữ vào Lưu trữ lịch sử các cấp.

5. Thông tư số 17/2014/TT-BNV ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xác định cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử các cấp.
 6. Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức.
 7. Công văn số 283/VLTNN-NVTW ngày 19 tháng 5 năm 2004 của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước về ban hành bảng hướng dẫn chỉnh lý tài liệu.
 8. Công văn số 879/VLTNN-NVĐP ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước hướng dẫn tổ chức tiêu hủy tài liệu hết giá trị.
 9. Thông tư số 06/2015/TT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của tổ chức văn thư, lưu trữ Bộ, cơ quan ngang Bộ.
 10. Quyết định số 1698/QĐ-LĐTBXH ngày 25/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Bộ.
 11. Quyết định số 628/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Hành chính
- III. VỊ TRÍ QUẢN TRỊ CÔNG SỞ (tại 02 đơn vị: Văn phòng Bộ, Cục Việc làm)**
1. Luật quản lý, sử dụng tài sản công 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017.
 2. Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.
 3. Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước số 09/2008/QH12 ngày 03/6/2008.
 4. Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
 5. Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
 6. Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013.
 7. Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
 8. Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/01/2006 của Chính phủ về xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.
 9. Thông tư số 29/2006/TT-BTC ngày 04/4/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 13/2006/NĐ-CP.
 10. Quyết định số 260/2006/QĐ-TTg ngày 14/11/2006 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp.
 11. Quyết định số 213/2006/QĐ-TTg ngày 25/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý công sở các cơ quan hành chính Nhà nước;
 12. Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị.
 13. Quyết định số 1698/QĐ-LĐTBXH ngày 25/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Bộ.
 14. Quyết định số 619/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản trị.

IV. VỊ TRÍ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (danh mục tài liệu do Trung tâm Thông tin soạn thảo theo nhiệm vụ)

1. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 được thông qua ngày 29/06/2006 tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI, có hiệu lực từ ngày 01/01/2007.
2. Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 được thông qua ngày 29/11/2005 tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XI.
3. Nghị quyết số 36/CT-TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”.
4. Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về Quản lý đầu tư Ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
5. Nghị quyết số 30C/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.
6. Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.
7. Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.
8. Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.
9. Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.
10. Quyết định số 1663/QĐ-LĐTĐ ngày 02/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2016 - 2020.
11. Quyết định số 2115/QĐ-LĐTĐ ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phiên bản 1.0.
11. Danh mục các tiêu chuẩn về công nghệ thông tin áp dụng trong các cơ quan quản lý nhà nước.
12. Có kiến thức về NGSP, LGSP, ESB, các dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số.
13. Có khả năng lập trình 01 ngôn ngữ thông dụng.
14. Có kiến thức về hạ tầng mạng, an toàn bảo mật.
15. Quyết định số 1698/QĐ-LĐTĐ ngày 25/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Bộ.
16. Quyết định số 619/QĐ-LĐTĐ ngày 29/12/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản trị.

II. VỊ TRÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN (tại 02 đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ)

1. Danh mục tài liệu:

- 1.1. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;
- 1.2. Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- 1.3. Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- 1.4. Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- 1.5. Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

db

- 1.6. Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- 1.7. Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- 1.8. Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- 1.9. Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- 1.10. Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- 1.11. Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- 1.12. Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;
- 1.13. Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- 1.14. Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- 1.15. Thông tư số 10/2016/TT-BKHĐT ngày 22/7/2016 quy định chi tiết việc giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu;
- 1.16. Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.
- 1.17. Quyết định số 1698/QĐ-LĐTBXH ngày 25/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Bộ.
- 1.18. Quyết định số 619/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản trị.

2. Phạm vi và nội dung kiến thức

2.1. Giai đoạn phê duyệt chủ trương đầu tư: Các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

2.2. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án

- Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật; phương pháp xác định tổng mức đầu tư dự án.

- Các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư đối với dự án nhóm B nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

- Quy định về hình thức quản lý dự án; chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, khu vực.

- Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan (chủ đầu tư, ban quản lý dự án, cơ quan quyết định đầu tư, nhà thầu) trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

2.3. Giai đoạn thực hiện đầu tư

- Các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối với dự án nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

- Các quy định về quản lý chất lượng công trình trong các giai đoạn khảo sát, thiết kế, thi công, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với công trình xây dựng thuộc dự án nhóm B nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

- Các quy định về hợp đồng xây dựng.

- Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan (chủ đầu tư, ban quản lý dự án, cơ quan quyết định đầu tư, các nhà thầu) trong giai đoạn thực hiện dự án.

2.4. Giai đoạn kết thúc đầu tư

- Các quy định về hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành; kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Các quy định về bảo hành, bảo trì công trình xây dựng.

- Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan (chủ đầu tư, ban quản lý dự án, cơ quan quyết định đầu tư, các nhà thầu) trong giai đoạn kết thúc đầu tư.

2.5. Công tác lựa chọn nhà thầu

- Quy trình và nội dung cụ thể trong quy trình lựa chọn nhà thầu.

- Các quy định về kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Nguyên tắc, căn cứ lập kế hoạch, nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu...

- Các quy định về hợp đồng (loại hợp đồng, nội dung hợp đồng, nội dung thương thảo hợp đồng...).

- Các nội dung cơ bản hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

- Quy định về giám sát, kiểm tra trong hoạt động đấu thầu; giải quyết kiến nghị và tranh chấp trong đấu thầu; xử lý tình huống trong lựa chọn nhà thầu; hành vi bị cấm và xử lý vi phạm trong đấu thầu.

- Thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan trong thực hiện lựa chọn nhà thầu.

VI. VỊ TRÍ THI ĐUA KHEN THƯỞNG (tại 03 đơn vị: Văn phòng Bộ, Cục Người có công, Cục Trẻ em)

1. Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013.

2. Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng;

3. Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

4. Thông tư số 30/2014/TT-BLĐTBXH ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội;

5. Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;


6. Quyết định số 1698/QĐ-LĐTBXH ngày 25/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Bộ.

7. Quyết định số 623/QĐ-VP ngày 29/12/2017 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Thi đua - Khen thưởng.

VII. VỊ TRÍ TRUYỀN THÔNG (Chuyên viên chuyên quản truyền thông tổ chức sự kiện tại Văn phòng Bộ)

1. Luật Báo chí năm 2016; Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan hành chính nhà nước
2. Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản
3. Quyết định số 678/QĐ-LĐTBXH ngày 01/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế phát ngôn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
4. Lý luận báo chí truyền thông
5. Lịch sử báo chí Việt Nam và thế giới
6. Kỹ năng viết cho báo in; Ảnh báo chí; Biên tập văn bản báo chí
7. Quan hệ công chúng đại cương
8. Quyết định số 1698/QĐ-LĐTBXH ngày 25/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Bộ.
9. Quyết định số 624/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Truyền thông

VIII. VỊ TRÍ CHUYÊN QUẢN VỀ QUAY PHIM, CHỤP ẢNH

1. Luật Báo chí năm 2016.
2. Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan hành chính nhà nước.
3. Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/ 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động nhiếp ảnh.
4. Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản
5. Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cũng cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.
6. Bộ cục và cỡ ảnh trong nhiếp ảnh, quay phim; Kỹ thuật quay phim, chụp ảnh; Quy tắc, kỹ thuật dựng video cơ bản
7. Làm tin truyền hình.
8. Quyết định số 1698/QĐ-LĐTBXH ngày 25/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Bộ.
9. Quyết định số 624/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Truyền thông. 

TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH THANH TRA BỘ

*(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTĐ ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*


I. TÀI LIỆU VỀ CÔNG TÁC THANH TRA

1. Luật Thanh tra ngày 15/11/2010.
2. Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.
3. Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21/10/2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra.
4. Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.
5. Nghị định số 92/2014/NĐ-CP ngày 08/10/2014 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21/10/2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra.
6. Nghị định số 110/2017/NĐ-CP ngày 04/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.
7. Thông tư số 14/2015/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.
8. Thông tư số 05/2015/TT-TTTP ngày 10/9/2015 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định về giám sát hoạt động của đoàn thanh tra.
9. Quyết định số 916/QĐ-LĐTĐ ngày 20/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ.

II. TÀI LIỆU TIẾP CÔNG DÂN

1. Luật Tiếp công dân ngày 25/11/2013.
2. Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân.
3. Thông tư số 06/2014/TT-TTTP ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.
4. Thông tư số 53/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hướng dẫn về quy trình tiếp công dân và xử lý đơn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

III. TÀI LIỆU VỀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011.
2. Luật Tố cáo ngày 11/11/2011.
3. Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại.
4. Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật tố cáo. 

5. Thông tư số 07/2013/TT-TTTP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
6. Thông tư số 06/2013/TT-TTTP ngày 29/7/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.

III. TÀI LIỆU LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG

1. Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005.
2. Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2012 (số 04/2012/UBTVQH13).
3. Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.
4. Thông tư số 05/3013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về lập hồ sơ, quản lý hồ sơ thực hiện chính sách người có công với cách mạng và thân nhân.
5. Thông tư 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hướng dẫn xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.
6. Thông tư liên tịch số 47/2009/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 11/3/2009 của liên bộ Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cấp phát, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.
7. Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 22/10/2013 của liên bộ Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn xác nhận liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh trong chiến tranh không còn giấy tờ.
8. Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 03/6/2014 của liên bộ Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân; quản lý các công trình ghi công liệt sĩ./.

TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
CỤC QUAN HỆ LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG
(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTBXH ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. VỊ TRÍ CHUYÊN QUẢN VỀ TIỀN LƯƠNG

1. Các Công ước quốc tế

- Công ước số 95 năm 1949 về bảo vệ tiền lương.
- Công ước số 100 năm 1951 về trả công bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ cho một công việc có giá trị ngang nhau.
- Công ước số 131 năm 1970 về ấn định lương tối thiểu, đặc biệt đối với các nước đang phát triển.

2. Bộ luật Lao động (Chương về Tiền lương Điều 90 - Điều 103 và các Điều có liên quan đến tiền lương).

3. Nội dung có liên quan đến lĩnh vực tiền lương quy định tại các Luật

- Luật Doanh nghiệp.
- Luật **Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.**
- Luật Thuế thu nhập cá nhân.
- Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Quyết định số 736/QĐ-LĐTBXH ngày 24/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quan hệ Lao động và Tiền lương.

II. VỊ TRÍ CHUYÊN QUẢN VỀ LAO ĐỘNG

1. Công ước quốc tế

- Công ước số 29 về lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, 1930.
- Công ước số 138 về tuổi lao động tối thiểu, 1973.
- Công ước số 182 về xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, 1999.
- Công ước số 158 về chấm dứt việc sử dụng lao động do người sử dụng lao động chủ động.
- Công ước số 87 về quyền tự do hiệp hội và về việc bảo vệ quyền được tổ chức, 1948.

2. Luật, Bộ luật

- Luật Doanh nghiệp năm 2014.
- Bộ luật Lao động năm 2012.

3. Các FTA, Hiệp định thương mại

- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA).
- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

4. Quyết định số 736/QĐ-LĐTBXH ngày 24/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quan hệ Lao động và Tiền lương./

**TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTBXH ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**I. VỊ TRÍ QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM Ở THỊ TRƯỜNG
ĐÀI LOAN - CHÂU MỸ**

1. Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 ngày 29/11/2006.
2. Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
3. Quyết định số 18/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.
4. Thông tư liên tịch số 16/2007/TT-BLĐTBXH-BTC ngày 04/9/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định cụ thể về tiền môi giới và tiền dịch vụ trong hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
5. Thông tư liên tịch số 17/TTLT-BLĐTBXH-NHNN ngày 04/9/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc quản lý và sử dụng tiền ký của quỹ doanh nghiệp và tiền ký quỹ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
6. Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
7. Quyết định số 1638/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý lao động ngoài nước

**II. VỊ TRÍ QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM Ở THỊ TRƯỜNG
NHẬT BẢN - CHÂU ÂU - ĐÔNG NAM Á**

1. Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 ngày 29/11/2006.
2. Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
3. Quyết định số 18/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.
4. Thông tư liên tịch số 16/2007/TT-BLĐTBXH-BTC ngày 04/9/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định cụ thể về tiền môi giới và

tiền dịch vụ trong hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Thông tư liên tịch số 17/TTLT-BLĐTBXH-NHNN ngày 04/9/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc quản lý và sử dụng tiền ký của quỹ doanh nghiệp và tiền ký quỹ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

6. Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

7. Quyết định số 1638/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý lao động ngoài nước.

III. VỊ TRÍ QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM Ở THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC - TÂY Á - CHÂU PHI

1. Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 ngày 29/11/2006

2. Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

3. Quyết định số 18/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

4. Thông tư liên tịch số 16/2007/TT-BLĐTBXH-BTC ngày 04/9/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định cụ thể về tiền môi giới và tiền dịch vụ trong hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Thông tư liên tịch số 17/TTLT-BLĐTBXH-NHNN ngày 04/9/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc quản lý và sử dụng tiền ký của quỹ doanh nghiệp và tiền ký quỹ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

6. Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

7. Quyết định số 1638/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý lao động ngoài nước.

IV. VỊ TRÍ THANH TRA VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO

1. Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 ngày 29/11/2006.

2. Luật Thanh tra năm 2010.

3. Luật khiếu nại năm 2011.

4. Luật tố cáo năm 2011.

5. Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
6. Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra.
7. Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại.
8. Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật tố cáo.
9. Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, Bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
10. Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.
11. Nghị định số 110/2017/NĐ-CP ngày 04/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành LĐTĐBXH.
12. Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
13. Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
14. Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.
15. Quyết định số 1638/QĐ-LĐTĐBXH ngày 17/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý lao động ngoài nước.

V. VỊ TRÍ TỔ CHỨC NHÂN SỰ (danh mục tài liệu do Vụ Tổ chức cán bộ soạn thảo theo nhiệm vụ)

1. Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
2. Nghị định số 123/20016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
3. Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
4. Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;
5. Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 về quản lý biên chế công chức và Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ;
6. Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập;
7. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
8. Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về Chính sách tinh giản biên chế;

9. Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;
10. Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
8. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
11. Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;
12. Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức.
13. Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
14. Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
15. Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.
16. Quyết định số 1638/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý lao động ngoài nước. /.

TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
CỤC NGƯỜI CÓ CÔNG

*(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTBXH ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

I. VỊ TRÍ HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP (danh mục do Văn phòng Bộ soạn thảo theo nhiệm vụ)

1. Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/04/2004 của Chính phủ về công tác văn thư.
2. Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ ngày 08/02/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP về công tác văn thư.
3. Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BNV ngày 25/02/2014 của Bộ Nội vụ về hợp nhất Nghị định về công tác văn thư.
4. Hướng dẫn số 822/HD-VTLTNN ngày 26/8/2015 của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước hướng dẫn về quản lý văn bản đi, văn bản đến và lập hồ sơ trong môi trường mạng.
5. Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.
6. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
7. Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.
8. Thông tư số 03/2013/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định công tác bảo vệ bí mật nhà nước ngành lao động - thương binh và xã hội.
9. Thông tư số 59/2014/TT-BCA-A81 ngày 18/11/2014 của Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ mật của ngành lao động - thương binh và xã hội.
10. Quyết định số 52/2014/QĐ-TTg ngày 16/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục bí mật nhà nước độ tuyệt mật và tối mật của ngành lao động - thương binh và xã hội.
11. Quyết định số 866/QĐ-LĐTBXH ngày 13/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Người có công.

II. VỊ TRÍ TỔ CHỨC NHÂN SỰ (danh mục tài liệu do Vụ Tổ chức cán bộ soạn thảo theo nhiệm vụ)

1. Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
2. Nghị định số 123/2006/NĐ-CP ngày 01/9/2006 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
3. Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
4. Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;
5. Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 về quản lý biên chế công chức và Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ;



6. Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập;
7. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
8. Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về Chính sách tinh giản biên chế;
9. Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;
10. Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
8. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
11. Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;
12. Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức.
13. Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
14. Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
15. Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.
16. Quyết định số 866/QĐ-LĐTBXH ngày 13/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Người có công.

III. VỊ TRÍ THI ĐUA KHEN THƯỞNG (tại 03 đơn vị: Văn phòng Bộ, Cục Người có công, Cục Trẻ em)

1. Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013.
2. Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng;
3. Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;
4. Thông tư số 30/2014/TT-BLĐTBXH ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội;
5. Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

6. Quyết định số 866/QĐ-LĐTBXH ngày 13/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Người có công.

IV. VỊ TRÍ QUẢN LÝ KẾ HOẠCH - TỔNG HỢP (tại 02 đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục Người có công)

1. Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13
2. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13
3. Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14
4. Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2014 của Quốc hội khóa 13 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020.
5. Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
6. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.
7. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
8. Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.
9. Chính phủ số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.
10. Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước
11. Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.
12. Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.
13. Quyết định số 866/QĐ-LĐTBXH ngày 13/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Người có công.

V. VỊ TRÍ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (tại 02 đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục Người có công)

1. Lập, chấp hành dự toán, kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước; công khai ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước:

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 342/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán:

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

3. Chế độ quản lý, sử dụng tài sản công; tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; sắp xếp lại, xử lý tài sản công; quyền và nghĩa vụ của cơ quan nhà nước, cá nhân trong quản lý, sử dụng tài sản công:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

4. Cải cách tài chính công, chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập:

- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020;
- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 0/11/2011 Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020;
- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;
- Quyết định số 1003/QĐ-LĐTBXH ngày 27/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2016 - 2020.
- Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác.

5. Phí, lệ phí, giá dịch vụ sự nghiệp công và chính sách thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

- Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03/6/2008;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19/6/2013;
- Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;
- Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế.

dlb

- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03/6/2008;
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19/6/2013;
 - Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
 - Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.
 - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;
 - Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.
 - Luật Giá ngày 20/6/2012;
 - Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;
 - Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
 - Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
 - Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.
6. Quyết định số 866/QĐ-LDTBXH ngày 13/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Người có công./.

**TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
CỤC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTĐ ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*


I. VỊ TRÍ CHUYÊN QUẢN CÔNG TÁC CAI NGHIỆN MA TÚY

1. Luật Phòng chống ma túy năm 2000.
2. Luật Phòng chống ma túy sửa đổi năm 2008.
3. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (dùng được cho cả 02 vị trí chuyên quản công tác Mại dâm và Ma túy).
4. Nghị quyết số 24/2012/QH13 ngày 20/6/2012 về việc thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (dùng được cho cả 02 vị trí chuyên quản công tác Mại dâm và Ma túy).
5. Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/12/2012 Về tăng cường chỉ đạo công tác Phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới.
6. Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 Quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh.
7. Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 9/9/2010 Quy định về cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.
8. Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình (dùng được cho cả 02 vị trí chuyên quản công tác Mại dâm và Ma túy).
9. Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
10. Quyết định số 2596/QĐ-TTg ngày 27/12/2013 Về việc phê duyệt đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy ở Việt Nam đến năm 2020.
11. Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 Về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương (dùng được cho cả 02 vị trí chuyên quản công tác Mại dâm và Ma túy).
12. Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 19/9/2016 Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
13. Quyết định số 2140/QĐ-TTg ngày 30/12/2017 Phê duyệt Đề án "Phối hợp truyền thông phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm đến năm 2020" (dùng được cho cả 02 vị trí chuyên quản công tác Mại dâm và Ma túy).
14. Quyết định số 789/QĐ-LĐTĐ ngày 24/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội.

II. VỊ TRÍ CHUYÊN QUẢN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM

1. Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm năm 2003.

dlb

2. Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15/10/2004 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm.
3. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (dùng được cho cả 02 vị trí chuyên quản công tác Mại dâm và Ma túy).
4. Nghị quyết số 24/2012/QH13 ngày 20/6/2012 về Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (dùng được cho cả 02 vị trí chuyên quản công tác Mại dâm và Ma túy).
5. Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2003 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình (dùng được cho cả 02 vị trí chuyên quản công tác Mại dâm và Ma túy).
6. Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 Về tin dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương. (dùng được cho cả 02 vị trí chuyên quản công tác Mại dâm và Ma túy).
7. Quyết định số 361/QĐ-TTg ngày 7/3/2016 Phê duyệt chương trình Phòng, chống mại dâm 2015-2020.
8. Quyết định số 2140/QĐ-TTg ngày 30/12/2017 Phê duyệt Đề án "Phối hợp truyền thông phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm đến năm 2020" (dùng được cho cả 02 vị trí chuyên quản công tác Mại dâm và Ma túy).
9. Quyết định số 789/QĐ-LĐTBXH ngày 24/5//2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội. / 

**TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
CỤC VIỆC LÀM**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTBXH ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

I. VỊ TRÍ TỔ CHỨC NHÂN SỰ (danh mục tài liệu do Vụ Tổ chức cán bộ soạn thảo theo nhiệm vụ)

1. Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
2. Nghị định số 123/20016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
3. Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
4. Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;
5. Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 về quản lý biên chế công chức và Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ;
6. Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập;
7. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
8. Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về Chính sách tinh giản biên chế;
9. Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;
10. Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
8. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
11. Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;
12. Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức.
13. Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
14. Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
15. Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.
16. Quyết định số 996/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Việc làm.

II. VỊ TRÍ KẾ TOÁN (tại 04 đơn vị: Văn phòng Bộ, Cục Việc làm, Cục Trẻ em, Cục Bảo trợ xã hội)

1. Công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán:

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;
- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định giao, mua sắm xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng tài sản công:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan nhà nước:

- Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

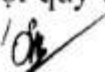
4. Lập dự toán ngân sách; chi ngân sách trung ương và kiểm soát chi ngân sách; quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ; kế toán, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước:

- Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 342/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

5. Quyết định số 996/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Việc làm.

III. VỊ TRÍ QUẢN TRỊ CÔNG SỞ (tại 02 đơn vị: Văn phòng Bộ, Cục Việc làm)

1. Luật quản lý, sử dụng tài sản công 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017.
2. Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.
3. Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước số 09/2008/QH12 ngày 03/6/2008.
4. Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
5. Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
6. Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013.
7. Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

8. Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/01/2006 của Chính phủ về xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.
9. Thông tư số 29/2006/TT-BTC ngày 04/4/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 13/2006/NĐ-CP.
10. Quyết định số 260/2006/QĐ-TTg ngày 14/11/2006 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp.
11. Quyết định số 213/2006/QĐ-TTg ngày 25/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý công sở các cơ quan hành chính Nhà nước;
12. Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị.
13. Quyết định số 996/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Việc làm. / 

TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH CỤC TRẺ EM

(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTBXH ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. VỊ TRÍ KẾ TOÁN (tại 04 đơn vị: Văn phòng Bộ, Cục Việc làm, Cục Trẻ em, Cục Bảo trợ xã hội)

1. Công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán:

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;
- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định giao, mua sắm xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng tài sản công:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan nhà nước:

- Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

4. Lập dự toán ngân sách; chi ngân sách trung ương và kiểm soát chi ngân sách; quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ; kế toán, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước:

- Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 342/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

5. Quyết định số 1126/QĐ-LĐTBXH ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trẻ em.

II. VỊ TRÍ QUẢN LÝ CÔNG TÁC BẢO VỆ TRẺ EM

1. Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em.
2. Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 2013 (liên quan đến lĩnh vực trẻ em).
3. Luật Trẻ em năm 2016.
4. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em.



5. Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.
6. Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới.
7. Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em.
8. Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020.
9. Quyết định số 2361/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020.
10. Quyết định số 1023/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016-2020.
11. Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020.
12. Quyết định số 535/QĐ-TTg ngày 14/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc.
13. Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.
14. Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020.
15. Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 22/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2014-2020.
16. Thông tư số 15/2014/TT-BLĐTBXH ngày 19/6/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn tổ chức Tháng hành động vì trẻ em.
17. Thông tư số 25/2014/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.
18. Thông tư số 33/2014/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn tổ chức Diễn đàn trẻ em các cấp.
19. Quyết định số 1126/QĐ-LĐTBXH ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trẻ em.

III. VỊ TRÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ CÔNG TÁC THI ĐUA KHEN THƯỞNG (


1. Quyết định số 1126/QĐ-LĐTBXH ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trẻ em.

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (danh mục tài liệu do Vụ Tổ chức cán bộ soạn thảo theo nhiệm vụ)

1. Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

2. Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
3. Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
4. Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;
5. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
6. Thông tư số 01 ngày 08/01/2018 của hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
7. Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

Nội dung công tác thi đua khen thưởng (danh mục tài liệu do Văn phòng Bộ soạn thảo theo nhiệm vụ)

1. Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013.
2. Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng;
3. Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;
4. Thông tư số 30/2014/TT-BLĐTBXH ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội;
5. Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng. / 

**TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
CỤC BẢO TRỢ XÃ HỘI**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTĐ ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

I. VỊ TRÍ QUẢN LÝ CHÍNH SÁCH BẢO TRỢ XÃ HỘI

1. Chính sách đối với người cao tuổi

- Luật Người cao tuổi, số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội.
- Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người cao tuổi.

2. Chính sách đối với người khuyết tật

- Luật Người khuyết tật, số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội.
- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.
- Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2011-2020.
- Quyết định số 1100/QĐ-TTg ngày 21/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai Công ước của Liên Hợp quốc về quyền của Người khuyết tật.
- Quyết định số 1215/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011-2020.

3. Chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên, đột xuất

- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
- Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới và phát triển hệ thống chính sách trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2030.
- Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 – 2020.
- Quyết định số 708/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

4. Quyết định số 1296/QĐ-LĐTĐ ngày 17/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo trợ xã hội.

II. VỊ TRÍ QUẢN LÝ CÔNG TÁC XÃ HỘI

1. Chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

Quyết định số 647/2013/QĐ-TTg ngày 26/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chăm sóc trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em nhiễm HIV/AIDS, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học, trẻ em khuyết tật nặng và trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa dựa vào cộng đồng giai đoạn 2013-2020.

2. Các quy định đối với cơ sở trợ giúp xã hội

- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
- Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập.
- Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 20/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2025.

3. Phát triển nghề công tác xã hội

- Quyết định 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020.
- Thông tư số 07/2013/TT-BLĐTBXH ngày 24/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ công tác viên công tác xã hội xã, phường, thị trấn.
- Thông tư liên tịch số 30/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 19/8/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội.
- Thông tư số 01/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/02/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội.
- Thông tư số 25/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Quyết định số 1296/QĐ-LĐTBXH ngày 17/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo trợ xã hội.

III. VỊ TRÍ KẾ TOÁN (tại 04 đơn vị: Văn phòng Bộ, Cục Việc làm, Cục Trẻ em, Cục Bảo trợ xã hội)

1. Công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán:

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;
- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định giao, mua sắm xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng tài sản công:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan nhà nước:

- Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

dlp

- Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

4. Lập dự toán ngân sách; chi ngân sách trung ương và kiểm soát chi ngân sách; quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ; kế toán, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước:

- Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 342/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

5. Quyết định số 1296/QĐ-LĐTBXH ngày 17/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo trợ xã hội. / *Ốp*

TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-LĐTĐ ngày 24/4/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. VỊ TRÍ QUẢN LÝ CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ (Vụ Đào tạo chính quy)

1. Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.
2. Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp.
3. Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
4. Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.
5. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
6. Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường cao đẳng.
7. Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường trung cấp.
8. Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
9. Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
10. Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định quy chế tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng.
11. Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.
12. Quyết định số 29/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
13. Quyết định số 927/QĐ-TCGDNN ngày 29/11/2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Đào tạo chính quy.

II. VỊ TRÍ QUẢN LÝ NHÂN SỰ VÀ ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC làm việc tại Vụ Tổ chức cán bộ của Tổng cục (danh mục tài liệu do Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội soạn thảo theo nhiệm vụ)

1. Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
2. Nghị định số 123/20016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

3. Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
4. Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;
5. Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 về quản lý biên chế công chức và Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ;
6. Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập;
7. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
8. Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về Chính sách tinh giản biên chế;
9. Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;
10. Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
8. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
11. Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;
12. Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức.
13. Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
14. Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
15. Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.
16. Quyết định số 29/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
17. Quyết định số 929/QĐ-TCGDNN ngày 29/11/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tổ chức cán bộ.

III. VỊ TRÍ TỔNG HỢP ĐỐI NGOẠI làm việc tại Văn phòng của Tổng cục (danh mục tài liệu do Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội soạn thảo theo nhiệm vụ)

1. Những ưu tiên trong hợp tác phi chính phủ nước ngoài liên quan đến ngành lao động - thương binh và xã hội 2013-2017:
 - Chương trình quốc gia xúc tiến viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2013-2017 ban hành theo Quyết định số 40/2013/QĐ-TTg ngày 10/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ.
2. Quy định về việc quản lý các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam:

- Nghị định 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam

3. Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài làm việc trong lĩnh vực lao động và xã hội:
Danh sách và lĩnh vực hoạt động của các tổ chức trên website:
<http://www.ngocentre.org.vn/>

4. Công tác lễ tân trong tổ chức sự kiện, tiếp khách quốc tế:

- Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ về quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài./.

11. Quyết định số 29/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

12. Quyết định số 800/QĐ-TCGDNN ngày 12/10/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng.

IV. VỊ TRÍ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp)

1. Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.

2. Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

3. Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

4. Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

5. Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

6. Quyết định số 1229/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đính chính Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

7. Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

8. Văn bản số 22/TCGDNN-KĐCL ngày 26/01/2018 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp năm 2018.

9. Văn bản số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26/01/2018 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng năm 2018.

10. Quyết định số 936/QĐ-TCGDNN ngày 29/11/2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

11. Quyết định số 29/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

12. Quyết định số 02/QĐ-CKĐCL ngày 06/3/2018 của Cục trưởng Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đào tạo và Quản lý kiểm định viên.

V. VỊ TRÍ QUẢN LÝ DỮ LIỆU CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA (Vụ Kỹ năng nghề)

1. Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.

2. Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

3. Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

4. Chương IV: Đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia của Luật Việc làm ngày 16/11/2013.

5. Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

6. Thông tư số 56/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

7. Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

8. Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

9. Quyết định số 29/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

10. Quyết định số 923/QĐ-TCGDNN ngày 29/11/2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Kỹ năng nghề.

